

Mấy nhận xét về dư luận xã hội ở nông thôn về số con và giới tính đứa con

TRẦN LAN HƯƠNG

Trong một hệ thống có điều khiển thì *liên hệ trở lại* (feedback) là yếu tố không thể thiếu được của hoạt động quản lý nếu nó phản ánh trung thực, đầy đủ, nhanh chóng về tiến hành các chương trình thì hoạt động quản lý càng có hiệu quả. Dư luận xã hội được coi là một trong những *liên hệ trở lại* của hệ thống xã hội có điều khiển: Các nhà quản lý xã hội cần nắm bắt được dư luận xã hội trước những vấn đề về đường lối chính sách v.v... để một mặt "bắt mạch" được cuộc sống, và mặt khác đề tổ chức và chỉ đạo dư luận xã hội phục vụ lợi ích của toàn dân, đảm bảo sự nhất trí giữa hiện thực cuộc sống và tâm trạng xã hội của quần chúng.

Dư luận xã hội (DLXH) là thái độ mang tính chất đánh giá của các cộng đồng xã hội được đặc trưng bởi tính phổ biến tương đối, tính mạnh mẽ và bền vững đối với những vấn đề được quan tâm chung và được thể hiện trong các nhận định hoặc hành động của họ.

Chiến lược dân số và kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) của Việt Nam hiện nay nhằm vào một mục tiêu lớn nhất là làm cho mô hình gia đình ít con trở thành một chuẩn mực xã hội. Dư luận xã hội có tác dụng biểu lộ thái độ của dân số đối với các chính sách xã hội nói chung cũng như các chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình nói riêng, do đó bằng nghiên cứu dư luận xã hội chúng ta có thể thấy được hiệu quả thực tế của các chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình đang được thực hiện như thế nào cũng như triển vọng và giải pháp của chính sách này trong tương lai ra sao? Trong khuôn khổ của dự án VIE/93/P08 cuộc điều tra về dân số gọi tắt là KAP tiến hành năm 1993 cho thấy sự khác biệt của dư luận xã hội về quy mô gia đình ít con ở hai môi trường nông thôn và đô thị như sau:

- **Ở mức độ nhận định:** nếu như ở thành phố có 80,2% nữ trong độ tuổi sinh đẻ mong muốn có từ 1-2 con thì ở nông thôn chỉ có 70,8% nữ trong cùng độ tuổi có mong muốn ít con như vậy. Nguyên vọng này ở nam nông thôn là 69,9% còn nam đô thị là 77,5%.

- **Ở mức độ hành động:** số nữ nông thôn được điều tra có từ 1-2 con là 52,25 thấp hơn con số 62,7% nữ đô thị có 1-2 con. Còn số nam đô thị có 1-2 con là 62% cao hơn con số 51,9% nam nông thôn có cùng số con như vậy.

Ở đây chúng ta thấy có một số đặc điểm của dư luận xã hội về số con được thể hiện ra là:

- Vấn đề gia đình ít con là vấn đề quan tâm chung của toàn xã hội nhưng sự

đánh giá của dư luận xã hội đối với mục tiêu của cuộc vận động dân số kế hoạch hóa gia đình trong nhận định và hành động còn cách nhau khá xa.

- Chiều rộng và cường độ của dư luận xã hội ủng hộ mô hình gia đình ít con ở nông thôn kém hơn ở đô thị rất nhiều.

Vì sao dư luận ủng hộ mô hình gia đình ít con ở nông thôn, lại chưa phổ biến, chưa mạnh mẽ và chưa ổn định như ở thành phố? Để trả lời câu hỏi này chúng ta hãy gọi dư luận xã hội ở môi trường nông thôn bằng một khái niệm tạm thời là "*dư luận hàng xóm*" và nghiên cứu các đặc thù của nó trong khuôn khổ của khái niệm "*văn hoá làng xóm*".

Quy mô của văn hóa làng xóm lấy giới hạn về sự hiểu biết lẫn nhau giữa những người bình thường với nhau làm giới hạn cao nhất của nó. Cuộc sống của người dân nông thôn ngay từ khi mới sinh ra đã được cố định trong cái vòng nhỏ của làng xóm cổ truyền không mấy khi vượt quá con số mấy trăm người. Tất cả mọi người đều có thể nhận biết, bình phẩm lẫn nhau về mọi việc, trong đó hành vi dân số của mỗi người cũng bị người khác quan tâm theo dõi. Và do độ di động xã hội của người dân trong làng không lớn, người dân hầu như sống cả đời với người trong làng xóm nên họ không thể nhắm mắt phớt lờ lời bàn luận của người khác trong làng.

Chúng ta biết rằng thông tin được truyền tải qua các kênh. Ở nông thôn hiện nay thông tin không chỉ được truyền theo các kênh trực tiếp mà còn có các kênh gián tiếp như hệ thống truyền thông đại chúng, đài, báo, ti vi... Nhưng do các điều kiện kinh tế xã hội thông tin đến với người dân nông thôn qua các phương tiện này còn nhiều hạn chế: ở nông thôn chỉ có khoảng 19,9% số hộ có máy thu thanh và 22,9% số hộ có máy thu hình, thêm nữa thời gian rỗi của người dân rất hạn hẹp vì họ phải bươn chải với cuộc sống nên có tới 58,2% nữ và 43,8% nam không bao giờ hoặc thỉnh thoảng mới nghe đài; 53,4% nữ và 44,7% nam không bao giờ hoặc ít khi xem tivi. Trong số có nghe đài và xem ti vi thì nội dung dân số kế hoạch hóa gia đình được phát triển đài chỉ tạo nên sự quan tâm ở 16% nữ và 15,4% nam; và chỉ có 10,2% nữ và 8,6% nam quan tâm hứng thú với đề tài này trên màn ảnh nhỏ.

Ở nông thôn hiện nay các kênh giao tiếp trực tiếp vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin và làm hình thành dư luận. Hoạt động giao tiếp với bạn bè và hàng xóm giúp cho các cá nhân trong làng có chung những thông tin về cuộc sống xã hội, trong đó họ trao đổi với nhau những ý kiến, những nhận định về vấn đề mà họ cùng có nhu cầu quan tâm. Chính trong quá trình thảo luận các vấn đề cho thấy những cáo chung trong từng ý kiến riêng và làm tăng tỷ trọng các ý kiến đã được thảo luận, đúng như Hê ghen đã từng xác định: cơ sở của sự hình thành dư luận xã hội là sự thảo luận. Bằng thống kê các kênh thảo luận về vấn đề dân số kế hoạch hóa gia đình cho thấy, "kênh bạn bè và hàng xóm" đứng hàng thứ hai: 28,6% nữ và 27,9% nam trả lời có thảo luận vấn đề này với bạn bè và hàng xóm. Hoạt động giao tiếp giữa các cặp vợ chồng về vấn đề dân số kế hoạch hóa gia đình đứng hàng đầu: 85,9 % nữ và 85,6% nam ở nông thôn nói đã thảo luận vấn đề này với người bạn đời của họ. Hoạt động giao tiếp trực tiếp của các cặp vợ chồng đóng vai trò là "cái máy lọc" những thông tin mà họ nhận được từ các kênh khác, quyết định hành vi dân số của họ. Có tới 70,2% số người trong "*nhóm vợ*" trả lời chồng mình là người quyết định chọn loại biện pháp tránh thai nào và tương tự có 66,4%

trong "*nhóm chồng*" trả lời vợ mình là người quyết định sau khi thảo luận vấn đề này. Sự phân loại và đánh giá những thông tin nhận được của hai vợ chồng là cơ sở trực tiếp còn thông tin nhận được qua các kênh khác chỉ là những tác nhân gián tiếp để hình thành động cơ sinh con và chuẩn mực số con của họ.

Các chức năng của "*dur luận hàng xóm*" có tác động quan trọng trong định hướng sinh con của người dân nông thôn. Chức năng kiểm soát của "*dur luận hàng xóm*" thể hiện ở chỗ khi đặt vấn đề sinh con hay không, sinh nhiều hay sinh ít đòi hỏi các cặp vợ chồng phải tính đến những tập tục của cộng đồng. Các thiết chế xã hội, tôn giáo, thân tộc... đều có hoạt động kiểm soát đối với gia đình, đặc biệt là việc xử lý các hành vi dân số thường có sự va chạm với các quy tắc thành văn và không thành văn của các thiết chế đó. Ở đây chức năng điều hòa quan hệ xã hội của "*dur luận làng xóm*" có vai trò là làm giảm bớt những căng thẳng do các va chạm này gây ra, đồng thời mở rộng việc thực hiện cơ chế tự điều chỉnh của xã hội.

Khi đi thực địa về nông thôn chúng tôi thấy là cách nhìn cách nhìn và hành vi của người nông dân có khuynh hướng nhất trí với đa số người trong cộng đồng làng xóm, họ tự nguyện tuân thủ các quy phạm của cộng đồng và không ai muốn đi ra ngoài con đường mòn hoặc trở thành kẻ "không hòa hợp với cộng đồng". Người dân nông thôn trong tất cả những việc làm quan trọng kể cả như lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái... đều hành động theo số đông và "*dur luận làng xóm*" chính là môi trường điển hình để tạo "hành vi theo số đông". Ví dụ: Nếu đại đa số nữ trong làng xóm đó từ 13- 14 tuổi đã có người đặt trầu cau thì những nữ thanh niên mới 16- 17 tuổi cũng đã cảm thấy sức ép phải nhận trầu cau trong dư luận của làng xóm (khác với ở đô thị về cơ bản không ai quan tâm quá nhiều đến cuộc sống gia đình hay độc thân riêng tư của người khác và cũng chẳng ai phê phán gây sức ép quá đáng). Ở nông thôn không thể tự lựa chọn cách sống độc thân. Một người độc thân (nhất là phụ nữ) dù có thể rất thành đạt nhưng dưới con mắt của người làng họ vẫn là những người bi thất bại nặng nề, thất bại cả đời. Nếu mọi người trong cộng đồng đều phải sinh con thì người chưa có con (hoặc không có con) sẽ chịu sức ép về xu hướng chung đó trong "*dur luận làng xóm*". Một người phụ nữ bước vào cửa nhà chồng, sau mấy tháng là đã có người quan tâm đến ngay xem chi ta có chửa hay chưa, nếu như sau 1-2 năm mà vẫn chưa mang thai thì người ta bắt đầu xì xầm bàn tán. Việc sinh được con hay không là một gánh nặng tâm lý đối với người phụ nữ nông thôn khi bước chân đi lấy chồng.

Một làng giàu có ở ngoại thành Hà Nội có mức sống vật chất của người dân chẳng thua kém với dân thủ đô là mấy, nhà ở rộng và tiện nghi hơn cả dân thành phố: máy giặt, tủ lạnh, tivi màu, ô tô riêng... nhưng họ vẫn là dân nông thôn và nguyện vọng sinh con của họ vẫn mạnh mẽ như xưa. Năm 1992 chúng tôi xuống khảo sát tỷ lệ dân số phát triển rất cao mặc dù xã đã có chính sách khuyến khích hạn chế số con (ví dụ xã biểu 1 kg đường cho những ai đi nghe phổ biến về dân số kế hoạch hoá gia đình). Khi Hà Nội đã ra chính sách thưởng phạt chặt chẽ hơn đối với các hành vi dân số, vào cuối năm 1994, chúng tôi trở lại làng này thì thấy thanh niên vẫn thích lập gia đình sớm, và họ thường sinh đến mức tối đa trong giới hạn mà chính sách dân số cho phép. Như vậy là chủ có dưới sự cưỡng bức của chính sách thì người dân mới không dám đẻ nhiều con. Sức ép sinh con của "*dur luận làng xóm*" mạnh mẽ

đến mức con người khó mà thoát ra được và vì thế mà nguyện vọng sinh con của người dân nông thôn mới không buông tha họ đến như thế.

Hơn nữa, mỗi một người dân nông thôn sống trong cộng đồng bị bắt buộc phải tham gia vào "trò chơi ganh đua" của cả làng xóm về mọi phương diện nhằm nhận được sự đánh giá cao của "dư luận làng xóm" và họ bao giờ cũng muốn hết sức để "được điểm hơn các thành viên khác. Chẳng hạn trong cộng đồng làng xóm việc sinh "con trai con gái" là một hạng mục thi đua mà không ai thoát khỏi và nó là một trong số những chỉ tiêu về thành công hay thất bại của người nông dân. Người có con trai nhất định phải hơn điểm người chỉ sinh toàn con gái, người sinh "con một bé" nhất định phải thua điểm người sinh "có nếp có tẻ", một người sinh "đủ nếp đủ tẻ" nhưng nếu con trai đầu thì chỉ được 8 điểm, còn sinh được con gái đầu lòng thì coi như được 10 điểm. Như vậy, bằng các thang điểm đó "dư luận làng xóm" gây sức ép lên người dân nông thôn trong việc sinh con. Sức ép về vi thể của người con trai trong "dư luận làng xóm" là vô cùng lớn và sự tự quyết của mỗi cặp vợ chồng vô số con theo ý muốn là rất nhỏ bẽ khi họ chưa có con trai. Ở đây chúng tôi cũng xin lưu ý nhắc lại một nhận xét của các chuyên gia nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam rằng: ở Vietnam tầm quan trọng của việc có con trai được nhấn mạnh hơn ở Thái Lan hay Maiami": Khác với ở Thái Lan, ở đồng bằng Nam bộ cha mẹ về già thường sống với con gái út, ở đồng bằng Bắc bộ cha mẹ về già sống với con trai cả nên việc sinh được con trai hay không lại càng quan trọng. Đặc biệt do tập quán "thuyền theo lái gái theo chồng" thì chỉ có con trai mới nghiễm nhiên được sống tại làng, còn con gái lớn lên lấy chồng có khi phải sang làng khác. Nhưng thực tế như thế đã thức tỉnh chúng ta chú ý đến sự kiện tại sao quan niệm "nói dôi tông đường" lại được nhiều người sống ở nông thôn Bắc bộ muốn được duy trì hơn ở thành phố. Điều này cũng góp phần giải thích tại sao số mong muốn có con trai ở nông thôn lại cao như vậy: 88,3% nữ và 86,8% nam được điều tra qua KAP mong muốn có từ 1-2 con trai. Như vậy, qua các thông tin chứa đựng trong "dư luận làng xóm" về giới tính của đứa con cho phép chúng ta dự đoán trạng thái tương lai của mô hình gia đình có từ 12 con còn rất không ổn định. Sức ép theo xu thế phải có con trai của dư luận làng xóm" tạo ra tâm trạng "khát nước" ở người chưa có con trai và phá vỡ định hướng gia đình có từ 1-2 con ở họ.

Mô hình gia đình ít con là một vấn đề văn hóa xã hội chứ không đơn thuần chỉ là vấn đề dân số kế hoạch hóa gia đình. Các hoạt động quản lý dân số kế hoạch hóa gia đình phải phát huy tinh thần tích cực tác động đúng hướng vào "dư luận xã hội về giới tính đứa con" không chỉ hình thành "dư luận xã hội theo mục tiêu mỗi gia đình có từ 1-2 con", sao cho dư luận đồng tình với mô hình gia đình ít con trở lên phổ biến, mạnh mẽ và ổn định hơn ở nông thôn.